|  |  |
| --- | --- |
| **CÔNG TY TNHH MTV**  **XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN VIỆT NAM**  Description: logo1.jpg | **TẬP ĐOÀN BERJAYA**  **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ**  **KỸ THUẬT BERJAYA GIA THỊNH**  A close up of a sign  Description automatically generated |
|  | **Đơn vị được Tập đoàn Berjaya**  **ủy nhiệm thực hiện** |

**HỒ SƠ YÊU CẦU**

**Lựa chọn Đại lý**

**Xổ số tự chọn số điện toán**

**qua Thiết bị đầu cuối**

Hà Nội, năm 2022

**MỤC LỤC**

[GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ VIẾT TẮT 4](#_Toc99368842)

[CHƯƠNG I - CHỈ DẪN ĐỐI VỚI ỨNG VIÊN ĐẠI LÝ 5](#_Toc99368843)

[Mục 1. TỔNG QUÁT 5](#_Toc99368844)

[1. Nội dung 5](#_Toc99368845)

[2. Tư cách hợp lệ của Ứng viên Đại lý 6](#_Toc99368846)

[Mục 2. CHUẨN BỊ HỒ SƠ ỨNG TUYỂN 8](#_Toc99368847)

[1. Nội dung HSUT 8](#_Toc99368848)

[2. Quy cách của HSUT và chữ ký trong HSUT 11](#_Toc99368850)

[Mục 3. NỘP HỒ SƠ ỨNG TUYỂN 12](#_Toc99368851)

[1. Niêm phong và cách ghi trên túi đựng HSUT 12](#_Toc99368852)

[2. Thời hạn, phương thức và địa điểm nộp HSUT 12](#_Toc99368853)

[3. HSUT nộp muộn 14](#_Toc99368854)

[4. Sửa đổi, thay thế hoặc rút HSUT 14](#_Toc99368855)

[Mục 4. MỞ, ĐÁNH GIÁ HSUT VÀ THẨM TRA ỨNG VIÊN ĐẠI LÝ 14](#_Toc99368856)

[1. Mở HSUT 14](#_Toc99368857)

[2. Đánh giá HSUT, thẩm tra Ứng viên Đại lý 14](#_Toc99368858)

[Mục 5. KẾT QUẢ LỰA CHỌN ĐẠI LÝ 14](#_Toc99368859)

[1. Thông báo kết quả lựa chọn Đại lý 14](#_Toc99368860)

[2. Thẩm tra thực tế Điểm bán hàng 14](#_Toc99368861)

[CHƯƠNG II - CÁC MẪU BIỂU CỦA HSUT 15](#_Toc99368862)

[Mẫu số 02 (A) 22](#_Toc99368863)

[Mẫu số 02 (B) 23](#_Toc99368865)

[Mẫu số 02 (B1) 24](#_Toc99368867)

[Mẫu số 02 (B2) 25](#_Toc99368869)

[Mẫu số 03 DANH SÁCH ĐỀ XUẤT ĐIỂM BÁN HÀNG 26](#_Toc99368871)

[PHỤ LỤC SỐ 01 27](#_Toc99368872)

[DANH SÁCH THỊ TRƯỜNG LỰA CHỌN ĐẠI LÝ 27](#_Toc99368873)

[PHỤ LỤC SỐ 02 28](#_Toc99368874)

[TIÊU CHÍ PHÁP LÝ, TÀI CHÍNH ĐẠI LÝ VÀ TIÊU CHÍ THƯƠNG MẠI, KỸ THUẬT ĐIỂM BÁN HÀNG CỦA ĐẠI LÝ XỔ SỐ TỰ CHỌN QUA THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI 28](#_Toc99368875)

[PHỤ LỤC SỐ 03 33](#_Toc99368876)

[A. MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ CHÍNH SÁCH KINH DOANH 33](#_Toc99368877)

[B. QUY ĐỊNH VỀ BỒI THƯỜNG CHI PHÍ KHẢO SÁT, CUNG CẤP, 40](#_Toc99368878)

[C. DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ, VẬT TƯ CUNG CẤP, LẮP ĐẶT TẠI CÁC ĐIỂM BÁN HÀNG 43](#_Toc99368879)

[PHỤ LỤC SỐ 04 45](#_Toc99368880)

[QUY TRÌNH LỰA CHỌN ĐẠI LÝ XỔ SỐ TỰ CHỌN QUA THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI 45](#_Toc99368881)

[THÔNG TIN LIÊN LẠC 47](#_Toc99368882)

# GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ VIẾT TẮT

1. **“Vietlott”** là Công ty TNHH MTV Xổ số điện toán Việt Nam.
2. “**Xổ số tự chọn/XSTC**” là Xổ số tự chọn số điện toán theo quy định của pháp luật.
3. **“Đại lý”** là Đại lý Xổ số tự chọn qua Thiết bị đầu cuối.
4. “**Chủ sở hữu Điểm Bán Hàng**” là cá nhân, tổ chức có quyền sở hữu, sử dụng địa điểm kinh doanh, ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với Đại lý để thiết lập, quản lý hệ thống Điểm Bán Hàng tại Địa Bàn Kinh Doanh.
5. **“Ứng viên Đại lý”** là cá nhân, tổ chức có đủ điều kiện theo quy định để ứng tuyển vào vị trí làm Đại lý Xổ số tự chọn qua Thiết bị đầu cuối để bán vé Xổ số tự chọn số điện toán cho Vietlott.
6. **“Địa bàn kinh doanh”** là khu vực kinh doanh được phân chia theo địa giới hành chính Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương.
7. “**Điểm bán hàng/ĐBH**” là điểm giao dịch giới thiệu, bán vé, trả thưởng các sản phẩm Xổ số tự chọn số điện toán qua Thiết bị đầu cuối, bao gồm: Trung tâm Xổ số tự chọn (TT XSTC), Điểm Bán hàng độc lập, Điểm Bán hàng bán kèm.
8. “**Hồ sơ yêu cầu/HSYC**” là tài liệu do Vietlott ban hành và gửi cho Ứng viên Đại lý, bao gồm các yêu cầu, chỉ dẫn cho Ứng viên Đại lý lập Hồ sơ Ứng tuyển.
9. “**Hồ sơ ứng tuyển/HSUT**” là tài liệu do Ứng viên Đại lý lập và gửi cho Vietlott để làm căn cứ cho Vietlott đánh giá, thẩm tra tính hợp lệ của các tài liệu, hồ sơ trong HSUT của Ứng viên Đại lý theo yêu cầu tại HSYC.
10. “**Hợp đồng Đại lý**” là Hợp đồng Đại lý Xổ số tự chọn qua Thiết bị đầu cuối được ký giữa Vietlott và các Ứng viên Đại lý đủ điều kiện theo quy định do Vietlott ban hành.
11. **“Berjaya Corporation Berhad”** là đối tác ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) với Vietlott triển khai Dự án đầu tư mua sắm, vận hành hệ thống kỹ thuật, thiết bị, công nghệ, phần mềm và kinh doanh Xổ số tự chọn số điện toán trên lãnh thổ Việt Nam.
12. **“Công ty Cổ phần Đầu tư kỹ thuật Berjaya Gia Thịnh (Berjaya Gia Thịnh)”** là đơn vị được Berjaya Corporation Berhad ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ phối hợp với Vietlott lựa chọn Đại lý Xổ số tự chọn số điện toán qua Thiết bị đầu cuối.
13. **“Berjaya”** được hiểulà Berjaya Corporation Berhad và/hoặc Berjaya Gia Thịnh. Các thuật ngữ Berjaya quy định tại HSYC đều dẫn chiếu đến Berjaya Corporation Berhad và/hoặc Berjaya Gia Thịnh.

# CHƯƠNG I - CHỈ DẪN ĐỐI VỚI ỨNG VIÊN ĐẠI LÝ

### TỔNG QUÁT

#### Nội dung

Vietlott mời ứng viên là tổ chức và cá nhân/hộ kinh doanh cá thể tham gia dự tuyển Đại lý trên địa bàn các tỉnh/thành phố theo Phụ lục 1:

*(Phụ lục số 01 - Danh sách thị trường lựa chọn Đại lý)*

Ưu tiên Ứng viên Đại lý là Công ty Xổ số kiến thiết tại địa phương: (i) Có nguyện vọng, đáp ứng các tiêu chí lựa chọn Đại lý, và (ii) Trực tiếp tham gia với tư cách pháp nhân độc lập.

* 1. Địa bàn ứng tuyển:

Đối với cá nhân/Hộ kinh doanh cá thể: Có đăng ký Hộ kinh doanh cá thể tại địa bàn ứng tuyển;

Đối với tổ chức: Là tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân, đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

* 1. Ứng viên Đại lý phải có kiến thức, năng lực và am hiểu thị trường bán lẻ, có sự am hiểu nhất định về khách hàng, thị trường địa phương.
  2. Đại lý được kinh doanh trên tất cả các quận/huyện trong phạm vi địa giới hành chính tỉnh/thành phố.
  3. Ứng viên được lựa chọn sẽ được ký Hợp đồng Đại lý với Vietlott.

Ứng viên Đại lý sau khi ký Hợp đồng Đại lý phải thực hiện một số yêu cầu sau: (i) Tuân thủ Hợp đồng Đại lý, các quy định, quy chế và chính sách kinh doanh do Vietlott ban hành; (ii) Quản lý hiệu quả các ĐBH cam kết và đạt được doanh thu cam kết của Đại lý; (iii) Bảo đảm kinh doanh cho ĐBH theo quy định; (iv) Thực hiện các chương trình quảng bá, marketing để thúc đẩy bán hàng; (v) Tuân thủ quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động Đại lý và xổ số điện toán.

* 1. Số lượng ĐBH tối thiểu đáp ứng tiêu chí thương mại kỹ thuật để ký Hợp đồng Đại lý.

- Đại lý là tổ chức:

+ Đối với thị trường HCM và Hà Nội: tối thiểu 20 ĐBH.

+ Đối với thị trường Bình Dương, Đồng Nai, Cần Thơ, Bà Rịa-Vũng Tàu, An Giang, Đà Nẵng, Đắc Lăk, Thanh Hóa, Tây Ninh, Khánh Hòa, Hải Phòng, Quảng Ninh, Bến Tre, Kiên Giang, Tiền Giang, Quảng Ngãi, Lâm Đồng, Đồng Tháp: tối thiểu 08 ĐBH.

+ Đối với những thị trường còn lại: tối thiểu 06 ĐBH.

- Đại lý là cá nhân/hộ kinh doanh cá thể: tối thiểu 05 ĐBH.

#### Tư cách hợp lệ của Ứng viên Đại lý

Ứng viên Đại lý có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

* 1. Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn Đại lý quy định tại *Phụ lục số 02 – Tiêu chí Pháp lý, Tài chính Đại lý và tiêu chí Thương mại, Kỹ thuật Điểm bán hàng của Đại lý Xổ số tự chọn qua Thiết bị đầu cuối* và các quy định trong HSYC này.
  2. Các tổ chức/cá nhân đang ký hợp đồng đối với Đại lý hiện hữu thì sẽ không được tham gia ứng tuyển Đại lý mới tại thị trường đang hợp tác với Đại lý hiện hữu.
  3. Điểm bán hàng:
     1. Ứng viên phải đề xuất ĐBH trên địa bàn tỉnh, thành phố đăng ký làm Đại lý theo nguyên tắc sau:

| **TT** | **Nội dung** | **Cá nhân/Hộ kinh doanh cá thể** | **Tổ chức** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Số lượng ĐBH đáp ứng tiêu chí TMKT ký Hợp đồng Đại lý | 05 ĐBH | - Đối với thị trường HCM và Hà Nội: tối thiểu 20 ĐBH.  - Đối với thị trường Bình Dương, Đồng Nai, Cần Thơ, Bà Rịa-Vũng Tàu, An Giang, Đà Nẵng, Đắc Lăk, Thanh Hóa, Tây Ninh, Khánh Hòa, Hải Phòng, Quảng Ninh, Bến Tre, Kiên Giang, Tiền Giang, Quảng Ngãi, Lâm Đồng, Đồng Tháp: tối thiểu 08 ĐBH.  - Đối với những thị trường còn lại: tối thiểu 06 ĐBH. |
| 2 | Số lượng TTXS và ĐBH độc lập (\*\*) | Không áp dụng | - Đối với thị trường HCM và Hà Nội: tối thiểu 01 TTXS và 10% ĐBH độc lập.  - Đối với thị trường Bình Dương, Đồng Nai, Cần Thơ, Bà Rịa-Vũng Tàu, An Giang, Đà Nẵng, Đắc Lăk, Thanh Hóa, Tây Ninh, Khánh Hòa, Hải Phòng, Quảng Ninh, Bến Tre, Kiên Giang, Tiền Giang, Quảng Ngãi, Lâm Đồng, Đồng Tháp: tối thiểu 01 TTXS.  - Đối với những thị trường còn lại: không yêu cầu. |
| 3 | Tỷ lệ ĐBH đảm bảo trực tiếp đầu tư (\*\*\*) | Đảm bảo tỷ lệ tối thiểu 20% ĐBH trực tiếp đầu tư trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng. | |
| 4 | Tỷ lệ ĐBH tại các huyện | Không áp dụng | Tối thiểu 20% |

*(\*) Không đề xuất các ĐBH đã kinh doanh xổ số Vietlott và đã chấm dứt trong thời hạn từ 12 tháng trở xuống.*

(\*\*) *Tại Trung Tâm Xổ Số Tự Chọn và Điểm bán hàng Độc Lập, không kinh doanh bất kỳ hàng hóa, dịch vụ nào khác ngoài vé XSTC.*

*(\*\*\*) Đại lý trực tiếp đầu tư là Đại lý đầu tư 100% cho ĐBH, bao gồm: Tiền thuê và sửa chữa mặt bằng, tiền đảm bảo thực hiện hợp đồng, tiền thuê nhân viên bán hàng và trực tiếp nộp hạn mức bán hàng.* *Chứng từ cung cấp gồm:*

*- Hợp đồng thuê nhà theo quy định của pháp luật hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở kèm theo tài sản trên đất của ứng viên (có thể bổ sung sau khi có kết quả đánh giá tiêu chí TMKT ĐBH).*

*- Hợp đồng lao động với nhân viên bán hàng (có thể bổ sung trước khi mở chức năng bán hàng).*

* + 1. Ưu tiên Ứng viên Đại lý:

- Đối với cá nhân/Hộ kinh doanh cá thể:

+ Có nhân viên phát triển/chăm sóc/hỗ trợ Điểm bán hàng, nhân viên bán hàng;

+ Danh sách ĐBH ký HĐĐL: có TTXS/ĐBH Độc lập.

- Đối với tổ chức: Có kinh nghiệm phát triển, quản lý hệ thống cửa hàng.

* + 1. Đánh giá Đại lý sau khi ký Hợp đồng Đại lý:

- Đối với cá nhân/hộ kinh doanh cá thể:

+ Số lượng ĐBH: đảm bảo tối thiểu theo số lượng.

+ Đảm bảo tối thiểu 20% ĐBH trực tiếp đầu tư trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng.

+ 3 tháng đầu tiên kinh doanh sẽ không tiến hành đánh giá. Sau 6 tháng triển khai kinh doanh tiếp theo (9 tháng kinh doanh), doanh thu bán vé bình quân trên TBĐC tối thiểu bằng DTBVCK theo chính sách kinh doanh của Vietlott theo từng thời kỳ.

- Đối với tổ chức:

+ Số lượng ĐBH và tỷ lệ ĐBH độc lập và TTXS: đảm bảo tối thiểu theo số lượng và tỷ lệ đã nêu ở điểm 2.3.1 Mục này.

+ Đảm bảo tối thiểu 20% ĐBH trực tiếp đầu tư trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng.

+ Tỷ lệ ĐBH tại các huyện trên tổng số lượng ĐBH tối thiểu 20%.

+ 3 tháng đầu tiên kinh doanh sẽ không tiến hành đánh giá. Sau 6 tháng triển khai kinh doanh tiếp theo (9 tháng kinh doanh), doanh thu bán vé bình quân trên TBĐC tối thiểu bằng DTBVCK theo chính sách kinh doanh của Vietlott theo từng thời kỳ.

**Lưu ý**: Đại lý vi phạm các nội dung thuộc phạm vi đánh giá sau khi ký hợp đồng Đại lý có thể bị xem xét chấm dứt hợp đồng.

* 1. **Nguyên tắc, quy trình lựa chọn Ứng viên Đại lý:**

Việc lựa chọn Đại lý được thông báo rộng rãi, công khai trên Website: <https://www.vietlott.vn> và/hoặc tối thiểu trên 02 (hai) tờ báo giấy do Vietlott và Berjaya cùng phối hợp thực hiện, được tiến hành công khai, khách quan, minh bạch, tuân thủ các quy định của pháp luật và thực hiện theo Quy trình lựa chọn Đại lý quy định tại *Phụ lục số 04 - Quy trình lựa chọn Đại lý Xổ số tự chọn qua Thiết bị đầu cuối.*

### CHUẨN BỊ HỒ SƠ ỨNG TUYỂN

#### Nội dung HSUT

HSUT của Ứng viên Đại lý bao gồm: Nội dung kê khai theo các mẫu quy định tại HSYC (Chương II - Các Mẫu biểu của HSUT) và các tài liệu chứng minh các nội dung đã kê khai (nếu có).

Cụ thể như sau:

* + 1. Các tài liệu liên quan chứng minh tư cách hợp lệ của Ứng viên Đại lý (Bản gốc hoặc bản sao có công chứng/chứng thực), như:
    2. Cá nhân/Hộ kinh doanh cá thể: Giấy CMND/CCCD/HC và Giấy Đăng ký Hộ kinh doanh cá thể (Ứng viên phải cung cấp Giấy đăng ký Hộ Kinh doanh cá thể trước khi ký Hợp đồng Đại lý).
    3. Tổ chức: (1) Giấy CMND/CCCD/HC còn hiệu lực của người đại diện pháp luật; (2) Giấy chứng nhận ĐKKD.
    4. Các nội dung về năng lực, kinh nghiệm của Ứng viên Đại lý:
    5. Đối với cá nhân:

Trường hợp khi nộp Hồ sơ Ứng tuyển, cá nhân chưa đăng ký Hộ Kinh doanh cá thể thì trước khi ký Hợp đồng Đại lý, phải có đăng ký Hộ kinh doanh cá thể;

* + 1. Đối với tổ chức:

- Là pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam;

- Lựa chọn các Ứng viên tâm huyết, có năng lực, kinh nghiệm, triển khai kinh doanh;

- Có Trụ sở chính (trên đăng ký kinh doanh) tại tỉnh/thành phố thuộc địa bàn Chi nhánh Vietlott quản lý. Trường hợp địa bàn đăng ký không có trụ sở chính của Ứng viên thì phải thành lập Chi nhánh hoặc Văn phòng đại diện. Đối với thị trường Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh thì Ứng viên phải hoạt động tối thiểu 01 năm tính đến thời điểm nộp HSUT.

- Trong vòng 30 ngày sau khi ký HĐĐL, Đại lý đảm bảo có Trụ sở, Chi nhánh/văn phòng đại diện (đối với địa bàn kinh doanh Đại lý không có trụ sở) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất/Hợp đồng thuê nhà làm trụ sở chính/Văn phòng Chi nhánh còn hiệu lực tối thiểu 12 tháng; Có kho lưu trữ diện tích tối thiểu 6m2, chống ẩm ướt, mối mọt, nhiệt độ ổn định và các công cụ, dụng cụ (tủ sắt, hòm tôn...) để lưu trữ, bảo quản vé trúng thưởng đã trả thưởng theo quy định của Vietlott;

- Đại lý phải có bộ máy nhân sự để triển khai kinh doanh tối thiểu có các chức danh:

(1) Giám đốc điều hành, kế toán (chung cho các thị trường).

(2) Nhân sự chăm sóc, hỗ trợ ĐBH tại thị trường:

+ Đối với Đại lý triển khai tại 1 thị trường thì tối thiểu phải có 1 nhân viên chăm sóc ĐBH tại thị trường đó, nếu quy mô trên 30 ĐBH thì phải bổ sung thêm 1 nhân sự.

+ Đối với Đại lý triển khai nhiều thị trường liền kề thì nhân sự tối thiểu là 01 nhân sự chăm sóc/hỗ trợ tối đa cho 30 ĐBH (số lượng nhân sự tăng tương đương với số lượng Điểm bán hàng) trong suốt thời hạn hợp đồng;

Đại lý phải cung cấp Hợp đồng lao động và danh sách đóng bảo hiểm xã hội hoặc báo cáo kê khai thuế thu nhập cá nhân để chứng minh việc đáp ứng các điều kiện về bộ máy nhân sự như nêu trên (các tài liệu này có thể cung cấp sau khi ký Hợp đồng Đại lý).

- Ưu tiên Đại diện hợp pháp triển khai Hợp Đồng và/hoặc Giám đốc điều hành và phụ trách kế toán của tổ chức đăng ký làm Đại lý là người địa phương (đăng ký tạm trú/thường trú tại địa phương hoặc triển khai kinh doanh tại địa phương,...), có sự am hiểu về thị trường xổ số, quan hệ tốt với chính quyền địa phương;

- Ứng viên Đại lý kê khai và cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung đã kê khai theo các mẫu quy định tại Chương II - Các Mẫu biểu của HSUT;

- Vietlott và Berjaya có quyền mời các nhân sự của Ứng viên Đại lý đến phỏng vấn về năng lực, kinh nghiệm.

* + 1. Các nội dung về chuẩn bị triển khai Hợp đồng Đại lý Xổ số tự chọn qua TBĐC:

1.3.1. Đối với cá nhân: Không áp dụng;

1.3.2. Đối với tổ chức:

- Ứng viên Đại lý chuẩn bị phương án triển khai Hợp đồng Đại lý Xổ số tự chọn qua TBĐC trong thời gian tối thiểu 01 năm, gồm các nội dung sau:

- Phân tích, đánh giá về thị trường Xổ số hiện tại trên địa bàn dự kiến kinh doanh và dự tính doanh thu, lợi nhuận trong hoạt động kinh doanh Đại lý Xổ số tự chọn qua TBĐC tại địa bàn dự kiến kinh doanh kèm theo số liệu và khảo sát thực tế (nếu có);

- Cách thức triển khai Hợp đồng Đại lý Xổ số tự chọn qua TBĐC;

- Báo cáo kinh nghiệm tổ chức kinh doanh Đại lý xổ số của Ứng viên Đại lý tại địa bàn dự kiến kinh doanh *(nếu có)*;

- Có giải pháp thúc đẩy doanh thu đảm bảo sau 09 tháng triển khai kinh doanh (3 tháng đầu không đánh giá), doanh thu bán vé bình quân trên TBĐC phải lớn hơn hoặc bằng doanh thu bán vé cam kết theo chính sách kinh doanh của Vietlott trong từng thời kỳ;

- Cam kết đảm bảo đầy đủ nhân viên bán hàng tại các ĐBH;

- Vietlott và Berjaya có quyền mời Đại diện theo pháp luật (hoặc Đại diện hợp pháp theo ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ) của Ứng viên Đại lý để nghe trình bày về Phương án kinh doanh, kế hoạch phát triển ĐBH và các vấn đề khác có liên quan đến nội dung chuẩn bị triển khai Hợp đồng Đại lý Xổ số tự chọn qua TBĐC.

Ứng viên Đại lý gửi kèm các tài liệu chứng minh các nội dung trên. Vietlott và Berjaya sẽ chấm dứt hợp đồng Đại lý đối với các Đại lý không thực hiện được tối thiểu 50% kế hoạch triển khai ĐBH mới trong năm đầu tiên hoặc doanh thu bán vé bình quân trên TBĐC không đạt doanh thu bán vé cam kết theo chính sách kinh doanh của Vietlott trong 06 tháng liên tiếp.

* + 1. Các quy định về năng lực tài chính đối với Ứng viên Đại lý Xổ số tự chọn qua Thiết bị đầu cuối tại từng địa bàn:

1.4.1. Đối với cá nhân: Năng lực tài chính tối thiểu:

- Thị trường Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh: 125.000.000 VNĐ.

- Thị trường còn lại: 75.000.000 VNĐ.

1.4.2. Đối với tổ chức

1. Vốn điều lệ: Các cổ đông, thành viên công ty đã hoàn thành nghĩa vụ góp vốn theo quy định của Pháp luật và có vốn điều lệ tối thiểu như sau:

- Thị trường Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh: 01 (một) tỷ VNĐ.

- Thị trường còn lại: 400.000.000 VNĐ

1. Năng lực tài chính tối thiểu:

- Thị trường Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh: 01 (một) tỷ VNĐ.

- Thị trường còn lại: 400.000.000 VNĐ

*Chú ý: trường hợp ứng tuyển tại nhiều thị trường thì bổ sung năng lực tài chính tương ứng với thị trường đó.*

1.4.3. Các tài liệu chứng minh:

Đối với Vốn điều lệ: Chứng từ góp vốn/sao kê tài khoản ngân hàng.

Đối với Năng lực tài chính tối thiểu:

Sổ Tiết kiệm/Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ một tháng trở lên (bản sao có công chứng).

*Lưu ý:*

*- Ứng viên phải cung cấp tài liệu chứng minh sau khi có kết quả đánh giá tiêu chí thương mại/kỹ thuật và trước khi ký Hợp đồng Đại lý.*

*- Tài liệu chứng minh chỉ có giá trị đối với 01 hồ sơ ứng tuyển. Trường hợp tài liệu chứng minh được sử dụng trong nhiều HSUT thì bảo đảm năng lực tài chính tối thiểu bằng tổng năng lực tài chính của tất cả các HSUT đã nộp.*

*- Trường hợp Vietlott thẩm tra và xác định ứng viên Đại lý vi phạm cam kết duy trì hợp đồng tiền gửi hoặc sổ tiết kiệm, ứng viên Đại lý sẽ không được lựa chọn làm Đại lý.*

* + 1. Các nội dung đáp ứng thương mại, kỹ thuật của Điểm bán hàng:

1. Ứng viên Đại lý phải đề xuất Điểm bán hàng đáp ứng các yêu cầu về thương mại, kỹ thuật Điểm bán hàng.

Một số quy định về thiết lập hệ thống Điểm bán hàng được quy định tại Mục 3 *Phụ lục số 03* – *Chính sách kinh doanh*.

1. Các tài liệu chứng minh:

- Danh sách các Điểm bán hàng;

- Bản cứng ảnh Điểm bán hàng;

- Biên bản ghi nhớ/thỏa thuận hợp tác giữa chủ Điểm bán hàng/Chủ sở hữu Điểm bán hàng và chủ sở hữu Điểm bán hàng/Đại lý, hoặc Hợp đồng thuê nhà hoặc bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.

#### Quy cách của HSUT và chữ ký trong HSUT

* + 1. Ứng viên Đại lý phải chuẩn bị một (01) bản gốc và ba (03) bản sao của HSUT bằng tiếng Việt.
    2. Ứng viên Đại lý phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản sao và bản gốc. Trong quá trình đánh giá, nếu có sự sai khác giữa bản gốc và bản sao thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Nếu sự sai khác này được xác minh là cố tình, cố ý thì HSUT của Ứng viên Đại lý đó sẽ tự động bị loại.
    3. Chữ ký trong HSUT:

- Toàn bộ các nội dung của HSUT, các tài liệu chứng minh, thuyết minh có liên quan phải được Đại diện theo pháp luật (hoặc Đại diện hợp pháp theo ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ) của Ứng viên Đại lý ký và ghi rõ họ tên.

- Những chữ viết chen giữa, tẩy xóa hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký ở bên cạnh của Đại diện theo pháp luật (hoặc Đại diện hợp pháp theo ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ) của Ứng viên Đại lý và được đóng dấu.

### NỘP HỒ SƠ ỨNG TUYỂN

#### Niêm phong và cách ghi trên túi đựng HSUT

1. Toàn bộ tài liệu trong HSUT phải được đựng trong 01 túi có niêm phong bên ngoài (cách đánh dấu niêm phong do Ứng viên Đại lý quyết định). Trên túi số 01 ghi rõ: 01 bản gốc, 03 bản sao;
2. Ứng viên phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSUT trong quá trình chuyển tới nơi nhận, ghi không đúng thông tin trên túi đựng HSUT theo hướng dẫn tại điểm 1.1 Mục này.
3. Vietlott và Berjaya sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSUT nếu Ứng viên Đại lý không thực hiện đúng chỉ dẫn tại điểm 1.1 Mục này.

#### Thời hạn, phương thức và địa điểm nộp HSUT

1. Thời hạn nộp HSUT:
   1. Theo thông báo của Vietlott trên Website: <https://www.vietlott.vn>.
   2. Trường hợp thay đổi, gia hạn thời hạn nộp HSUT, Vietlott sẽ công bố công khai trên Website: <https://www.vietlott.vn> và/hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng khác.
2. Phương thức nộp HSUT:
   1. Địa điểm nhận Hồ sơ: Ứng viên Đại lý nộp HSUT đến Vietlott hoặc Berjaya theo địa chỉ sau:

| **TT** | **Thị trường đăng ký** | **Địa điểm nhận HSUT của Vietlott** | **Địa điểm nhận HSUT**  **của Berjaya** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I.** | Bắc Giang, Bắc Kạn, Bắc Ninh, Cao Bằng, Hà Giang, Hải Dương, Hòa Bình, Hưng Yên, Lào Cai, Lai Châu, Lạng Sơn, Phú Phọ, Sơn La, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc, Điện Biên, Yên Bái, Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh | **Chi nhánh Vietlott Hải Phòng:**  Tầng 6 tòa nhà MB, số 6 lô 30A đường Lê Hồng Phong, phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng  **Điện thoại**:  02253.866.688 | Tầng 14, tòa nhà Vietbank, 72 Bà Triệu, P. Hàng Bài, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội.  **Điện thoại:**  0243.633.2143 |
| **II.** | Hà Nam, Hà Tĩnh, Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình, Nghệ An, Quảng Trị, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Thanh Hóa. | **Chi nhánh Vietlott Nghệ An:**  Tầng 3, tòa nhà Golden City, 25 Nguyễn Thị Minh Khai, p Lê Mao, TP. Vinh, Nghệ An  **Điện thoại**:  02383.866.816 | Tầng 14, tòa nhà Vietbank, 72 Bà Triệu, P. Hàng Bài, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội.  **Điện thoại:**  0243.633.2143 |
| **III.** | Bình Định, Gia Lai, Kon Tum, Phú Yên, Quảng Nam, Ninh Thuận, Đăk Nông, Đăk Lăk, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Quảng Ngãi | **Chi nhánh Vietlott Khánh Hòa:**  Tầng 6, tòa nhà KHPC, Số 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa  **Điện thoại:** 02583.826.999 | Tầng 2, Tòa nhà Cevimetal, 69 Quang Trung, P. Hải Châu 1, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng.  **Điện thoại:**  0236.381.7968 |
| **IV.** | Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Phước, Bình Thuận, Long An, Bình Dương, Đồng Nai, Tiền Giang, Tây Ninh | **Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu:**  Số 4 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu  **Điện thoại:**  02543.819.339 | Tầng 17, Toà nhà Lim 2, 62A Cách Mạng Tháng Tám, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.  **Điện thoại:**  (84) 28 3550 0999 |
| **V.** | TP. Hồ Chí Minh | **Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh:**  93-95, Hàm Nghi, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  **Điện thoại:**  02838.212.636 | Tầng 17, Toà nhà Lim 2, 62A Cách Mạng Tháng Tám, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.  **Điện thoại:**  (84) 28 3550 0999 |
| **VI.** | Bạc Liêu, Cà Mau, Sóc Trăng, Trà Vinh, Vĩnh Long, Hậu Giang, An Giang, Cần Thơ, Kiên Giang, Đồng Tháp, Bến Tre | **Chi nhánh Cần Thơ:**  Tầng 03, Số 14-16B Đại lộ Hòa Bình, Phường An Cư, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ  **Điện thoại**:  02923.668.888 | Số 177c Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.  **Điện thoại:**  (0292) 3881 086 |

* 1. Thời điểm nộp tính theo ngày ký biên bản giao nhận HSUT với đại diện Vietlott hoặc/và đại diện Berjaya tại nơi nhận HSUT.

#### HSUT nộp muộn

Vietlott và Berjaya không nhận HSUT hoặc bất kỳ tài liệu bổ sung HSUT đã nộp sau thời điểm hết hạn nộp HSUT (nếu có thông báo) trừ tài liệu làm rõ HSUT theo yêu cầu của Vietlott và Berjaya.

#### Sửa đổi, thay thế hoặc rút HSUT

Ứng viên Đại lý không được thay thế, sửa đổi hoặc rút HSUT sau khi đã nộp cho Vietlott và Berjaya.

### MỞ, ĐÁNH GIÁ HSUT VÀ THẨM TRA ỨNG VIÊN ĐẠI LÝ

#### Mở HSUT

Chỉ mở HSUT mà Vietlott, Berjaya nhận được theo quy định tại HSYC này.

#### Đánh giá HSUT, thẩm tra Ứng viên Đại lý

Thực hiện theo Quy trình lựa chọn Đại lý được công bố công khai trên Website: <https://www.vietlott.vn>;

### KẾT QUẢ LỰA CHỌN ĐẠI LÝ

#### 1. Thông báo kết quả lựa chọn Đại lý

* 1. Thông báo kết quả: Sau khi đánh giá Hồ sơ ứng tuyển của Ứng viên Đại lý, Vietlott/Berjaya gửi văn bản thông báo kết quả sơ bộ lựa chọn Đại lý cho các Ứng viên Đại lý được chọn.
  2. Thông báo để ký Hợp đồng Đại lý:

1. Sau khi Vietlott phê duyệt danh sách các ĐBH và Ứng viên Đại lý đáp ứng các điều kiện về kinh doanh Xổ số tự chọn do Vietlott ban hành, Vietlott gửi văn bản thông báo kết quả chính thức lựa chọn Đại lý cho các Ứng viên Đại lý và ký Hợp đồng Đại lý theo thời hạn tại Thông báo.
2. Vietlott và Berjaya không có nghĩa vụ giải thích lý do trong trường hợp Ứng viên Đại lý/ĐBH không được lựa chọn.
   1. Trường hợp Ứng viên Đại lý không chấp thuận ký Hợp đồng Đại lý, Vietlott sẽ mời Ứng viên Đại lý khác đáp ứng Tiêu chí Đại lý Xổ số tự chọn qua Thiết bị đầu cuối và các quy định do Vietlott ban hành để ký Hợp đồng Đại lý.

#### 2. Thẩm tra thực tế Điểm bán hàng

Vietlott/Berjaya sẽ thẩm tra các ĐBH do Ứng viên Đại lý đề xuất để xác minh các địa điểm này có đáp ứng các tiêu chí thương mại, kỹ thuật theo quy định tại *Phụ lục số 02 – Tiêu chí Pháp lý, Tài chính Đại lý và tiêu chí Thương mại, Kỹ thuật Điểm bán hàng của Đại lý Xổ số tự chọn qua Thiết bị đầu cuối.*

# CHƯƠNG II - CÁC MẪU BIỂU CỦA HSUT

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mẫu số 01 (A) | : | Đơn đăng ký Đại lý Xổ số tự chọn qua Thiết bị đầu cuối  (dành cho cá nhân); |
| Mẫu số 01 (B) | : | Đơn đăng ký Đại lý Xổ số tự chọn qua Thiết bị đầu cuối  (dành cho tổ chức); |
| Mẫu số 02 (A) | : | Bảng kê năng lực, kinh nghiệm (Áp dụng cho Ứng viên Đại lý là cá nhân); |
| Mẫu số 02 (B) | : | Bảng kê năng lực, kinh nghiệm (Áp dụng cho Ứng viên Đại lý là tổ chức); |
| Mẫu số 02 (B1) | : | Bảng kê năng lực, kinh nghiệm (Áp dụng cho Người điều hành và/hoặc Phụ trách Kinh doanh Đại lý Xổ số tự chọn qua Thiết bị đầu cuối); |
| Mẫu số 02 (B2) | : | Bảng kê năng lực, kinh nghiệm (Áp dụng cho Người Phụ trách Kế toán Đại lý Xổ số tự chọn qua Thiết bị đầu cuối); |
| Mẫu số 03 | : | Danh sách đề xuất Điểm bán hàng. |

Mẫu số 01 (A): Áp dụng cho Ứng viên là cá nhân/hộ kinh doanh cá thể

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*\_\_\_\_, ngày\_\_\_\_tháng \_\_\_năm\_\_\_\_*

**ĐƠN ĐĂNG KÝ LÀM ĐẠI LÝ   
XỔ SỐ TỰ CHỌN QUA THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI**

***(dành cho Cá nhân)***

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | **Công ty Xổ số điện toán Việt Nam (Vietlott)** |
| Đồng kính gửi: | **Tập đoàn Berjaya/ Công ty Cổ phần Đầu tư kỹ thuật Berjaya Gia Thịnh (BGT)** |

**PHẦN 1: ỨNG VIÊN ĐẠI LÝ TỰ KÊ KHAI**

**I. Thông tin Ứng viên.**

*1. Cá nhân:*

- Họ và tên: …………………………………………………………………

- Ngày/tháng/năm sinh:……………………………………………………..

- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:……………… ….Ngày cấp:…/.…/……

Nơi cấp: …………………………………………………………………..

- Hộ khẩu thường trú:..…………………………………………………

- Chỗ ở hiện tại:……………………………………………………………..

- Số điện thoại liên hệ: ..…………………Email: ………………………….

*2. Thông tin Hộ kinh doanh cá thể: (Điền thông tin nếu đã đăng ký HKDCT)*

- Số Đăng ký HKD:..........................................Ngày cấp: ……/……/...…. Nơi cấp: ……………………………………………………………………

- Tên HKD:...............................................................................................

- Họ và tên đại diện HKD:...................................................................

- Ngày/tháng/năm sinh:……………………………………………………..

- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:……………………….Ngày cấp:…/.…/…

Nơi cấp: …………………………………………………………………

- Hộ khẩu thường trú:..…………………………………………………

- Chỗ ở hiện tại:……………………………………………………………..

- Số điện thoại liên hệ: ..…………………Email: ………………………….

Đăng ký làm Đại lý Xổ số tự chọn qua Thiết bị đầu cuối do Quý Công ty phát hành tại địa bàn kinh doanh: Tỉnh/Thành phố:.....................................................

Sau khi nghiên cứu thông tin đăng tuyển đăng ký làm Đại lý xổ số tự chọn số điện toán qua Thiết bị đầu cuối của Quý công ty, xét thấy tôi đáp ứng đủ các điều kiện sau để trở thành Đại lý của Quý Công ty.

**II. Cam kết của Ứng viên:**

*1. Pháp lý:*

□ Là công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên, thường trú tại Việt Nam;

□ Không có tiền án, tiền sự; không bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;

□ Không làm việc tại Vietlott, Tập Đoàn Berjaya, BGT;

□ Không phải là vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các cá nhân giữ chức danh từ cấp phó các phòng, ban nghiệp vụ trở lên của Vietlott, Tập đoàn Berjaya, BGT.

□ Tuân thủ đầy đủ Hợp đồng Đại lý và các quy định do Vietlott ban hành khi trở thành Đại lý Xổ số tự chọn qua Thiết bị đầu cuối.

*2. Tài chính*

a. Giá trị:

□ Dưới 75 triệu □ Trên 75 triệu □ Không có

b. Hình thức:

□ Sổ tiết kiệm □ Hợp đồng tiền gửi

3. Số lượng ĐBH đề xuất: ....... Điểm bán hàng. (đáp ứng đầy đủ các tiêu chí thương mại, kỹ thuật Điểm bán hàng[[1]](#footnote-2));

*(Mẫu thông tin Điểm bán hàng đính kèm)*

Trong đó:

- Số lượng Điểm bán hàng là Trung tâm xổ số: ......... ĐBH;

- Số lượng Điểm bán hàng là Độc lập: ......... ĐBH.

**III. Danh mục ưu tiên khi đánh giá hồ sơ**

1. Kinh nghiệm phát triển, quản lý hệ thống cửa hàng:

□ Đã phát triển, quản lý nhiều cửa hàng; Số lượng:......cửa hàng.

□ Chưa có kinh nghiệm;

2. Đã triển khai kinh doanh:

□ Xổ số Vietlott □ Xổ số truyền thống □ Hàng hóa tiêu dùng

□ Hàng hóa khác □ Chưa có kinh nghiệm

3. Nhân viên phát triển/chăm sóc/hỗ trợ Điểm bán hàng, nhân viên bán hàng:

□ Có nhân viên phát triển, chăm sóc, hỗ trợ ĐBH; Số lượng: ...... người

□ Có nhân viên bán hàng; Số lượng: ...... người

□ Không có nhân viên

Tôi xin cam kết các nội dung tôi kê khai tại Phiếu đăng ký này là hoàn toàn chính xác và trung thực, nếu các thông tin đã kê khai trên đây không chính xác, trung thực tôi sẽ bị loại, không được xem xét lựa chọn làm Đại lý Xổ số tự chọn số qua Thiết bị đầu cuối.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Ứng viên Đại lý**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

Mẫu 01 (B): Áp dụng cho Ứng viên là Tổ chức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*\_\_\_\_, ngày\_\_\_\_tháng \_\_\_năm\_\_\_\_*

**ĐƠN ĐĂNG KÝ LÀM ĐẠI LÝ**  **XỔ SỐ TỰ CHỌN QUA THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI**

*(dành cho Tổ chức)*

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | **Công ty Xổ số điện toán Việt Nam (Vietlott)** |
| Đồng kính gửi: | **Tập đoàn Berjaya/Công ty Cổ phần Đầu tư kỹ thuật Berjaya Gia Thịnh (BGT)** |

**I. Thông tin Ứng viên Đại lý.**

*1. Thông tin Doanh nghiệp:*

- Tên Doanh nghiệp:…………………………………………………………;

- Mã số Doanh nghiệp: ………………………………………………………;

- Địa chỉ Trụ sở chính:……………………………………………………….;

- Địa chỉ Chi nhánh/Văn phòng Đại diện:……………………………………;

- Vốn điều lệ[[2]](#footnote-3):………………………………………………………………..;

- Số điện thoại:……………………………email:……………………………;

*2. Thông tin đại diện theo pháp luật:*

- Họ và tên: ………………………………….. ……………………………….;

- Ngày/tháng/năm sinh:……………………………………………………..

- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:……………………….Ngày cấp:…/.…/……

Nơi cấp: ……………………………………………………………………..

- Hộ khẩu thường trú:..………………………………………………………

- Chỗ ở hiện tại:……………………………………………………………..

- Số điện thoại liên hệ: ..…………………Email: ………………………….

*3. Thông tin đầu mối liên hệ:*

- Họ và tên:...............................................Chức danh.....................................;

- Số điện thoại:..............................Email:.......................................................;

Đăng ký làm Đại lý Xổ số tự chọn qua Thiết bị đầu cuối do Quý Công ty phát hành tại địa bàn kinh doanh: Tỉnh/Thành phố:.......................................

Sau khi nghiên cứu thông tin đăng tuyển đăng ký làm Đại lý xổ số tự chọn số điện toán qua Thiết bị đầu cuối của Quý công ty, xét thấy tôi (chúng tôi) đạt đủ các điều kiện sau để trở thành Đại lý của Quý Công ty.

**II. Cam kết của Ứng viên**

*1. Pháp lý*

□ Là tổ chức kinh tế được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam;

□ Không phải là tổ chức kinh tế bị cơ quan có thẩm quyền kết luận về tình hình tài chính không lành mạnh, đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ đọng không có khả năng chi trả; đang trong quá trình giải thể;

□ Không phải là tổ chức kinh tế có vốn góp của vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các cá nhân giữ chức danh từ cấp phó các phòng, ban nghiệp vụ trở lên của Vietlott, Tập đoàn Berjaya, BGT;

□ Tuân thủ đầy đủ Hợp đồng Đại lý và các quy định do Vietlott ban hành khi trở thành Đại lý Xổ số tự chọn qua Thiết bị đầu cuối.

*2. Tài chính*

*a. Giá trị:*

□ Dưới 400 triệu □ Từ 400 triệu - 1 tỷ

□ Trên 1 tỷ □ Không có

*b. Hình thức*

□ Sổ tiết kiệm □ Hợp đồng tiền gửi

3. Nhân sự: kế toán, nhân viên chăm sóc/hỗ trợ ĐBH, nhân viên bán hàng:

□ Kế toán; Số lượng: ..........người.

□ Nhân viên phát triển, chăm sóc, hỗ trợ ĐBH; Số lượng: ..........người.

□ Nhân viên bán hàng; Số lượng: ..........người.

□ Không có nhân viên

4. Phương án kinh doanh:

□ 06 tháng □ 01 năm □ 02 năm □ Không có

5. Số lượng ĐBH đề xuất: .... ĐBH (đáp ứng đầy đủ các tiêu chí thương mại, kỹ thuật Điểm bán hàng[[3]](#footnote-4));

*(**Mẫu thông tin Điểm bán hàng đính kèm)*

*-* Số lượng ĐBH trực tiếp đầu tư: ....... ĐBH

- Số lượng Trung tâm xổ số: ....... ĐBH

- Số lượng ĐBH độc lập: ....... ĐBH

- Số lượng ĐBH thuộc các huyện: ....... ĐBH

**III. Danh mục ưu tiên khi đánh giá hồ sơ**

1. Kinh nghiệmquản lý, phát triển hệ thống cửa hàng:

□ Đã quản lý, phát triển nhiều cửa hàng. Số lượng:.... cửa hàng.

□ Chưa có kinh nghiệm

2. Đã triển khai kinh doanh:

□ Xổ số Vietlott; □ Xổ số truyền thống; □ Hàng tiêu dùng;

□ Hàng hóa Khác □ Chưa có kinh nghiệm

Tôi (chúng tôi) xin cam kết các nội dung tôi (chúng tôi) kê khai tại Phiếu đăng ký này là hoàn toàn chính xác và trung thực, nếu các thông tin đã kê khai trên đây không chính xác, trung thực tôi (chúng tôi) sẽ bị loại, không được xem xét lựa chọn làm Đại lý Xổ số tự chọn số qua Thiết bị đầu cuối.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Ứng viên Đại lý**  *(Đại diện pháp luật của Ứng viên Đại lý)*  *(Ký ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

## Mẫu số 02 (A)

### BẢNG KÊ KHAI NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM

(Áp dụng cho Ứng viên Đại lý là cá nhân)

Họ và tên:...............................................................................................................

Nơi cư trú:...............................................................................................................

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu *(còn hiệu lực)*:.....................................................

Ngày cấp: .............................. Nơi cấp: .................................................................

Số điện thoại:..........................................Email: .....................................................

**1. Kinh nghiệm đầu tư, kinh doanh**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Lĩnh vực kinh doanh** | **Doanh thu/năm**  **(tỷ đồng)** | **Thời gian (\*)** |
| 1 |  |  |  |
| … |  |  |  |

**2. Kinh nghiệm quản lý**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Doanh nghiệp** | **Chức vụ** | **Lĩnh vực**  **quản lý** | **Quy mô** | | **Thời gian *(\*)*** |
| **Doanh thu/ năm** | **Quản lý**  **(hệ thống phân phối hoặc nhân viên)** |
|  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Ứng viên Đại lý**  *(Đại diện pháp luật của Ứng viên Đại lý)*  *(Ký ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

*(\*) Thống kê theo thứ tự thời gian tăng dần*.

*Ứng viên Đại lý gửi kèm các tài liệu chứng minh nội dung kê khai*.

### Mẫu số 02 (B)

### BẢNG KÊ KHAI NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM

*(Áp dụng cho Ứng viên Đại lý là tổ chức)*

- Tên Ứng viên Đại lý *[Tên tổ chức]*:......................................................................

- Địa chỉ: .................................................................................................................

- Số điện thoại: ........................................Email:.....................................................

- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ....................do:............................cấp ngày:.......................................................................................................................

| **TT** | **Nội dung** | | **Ứng viên kê khai** | **Thời gian(\*)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Ngành nghề kinh doanh | | * …...……….…; * ……...……….; |  |
| 2 | Tính chất hàng hóa, dịch vụ đang kinh doanh | | * …...……….…; * ……...……….; |  |
| 3 | Quy mô doanh thu/năm (tỷ đồng) | | * …...……….…; |  |
| 4 | Địa bàn triển khai kinh doanh | | * …...……….…; * ……...……….; |  |
| 5 | Hệ thống phân phối, bán lẻ, mạng lưới kinh doanh tại địa bàn dự kiến kinh doanh | | * …...…….……;   ……...……….; |  |
| 6 | Kinh nghiệm quản lý hệ thống phân phối (sản phẩm, số lượng cửa hàng, nhân viên…) | | * …...……….…; * ……...……….; |  |
| 7 | Kinh nghiệm phát triển hệ thống phân phối (sản phẩm kinh doanh, số lượng cửa hàng, số lượng nhân viên, thời gian) | | * …...……….…; * ……...……….; |  |
|  | | **Ứng viên Đại lý**  *(Đại diện pháp luật của Ứng viên Đại lý)*  *(Ký ghi rõ họ tên và đóng dấu)* | | | |

***Ghi chú*:**

*(\*) Thống kê theo thứ tự thời gian tăng dần*.

*Ứng viên Đại lý gửi kèm các tài liệu chứng minh các nội dung kê khai*

## Mẫu số 02 (B1)

### BẢNG KÊ KHAI NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM

(Áp dụng cho Đại diện theo pháp luật và Giám đốc điều hành/Phụ trách kinh doanh Đại lý Xổ số tự chọn qua Thiết bị đầu cuối(1))

Họ và tên:...............................................................................................................

Chức vụ: ................................................................................................................

Nơi cư trú: ..............................................................................................................

Số điện thoại:................................Email:................................................................

**1. Kinh nghiệm kinh doanh**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Ứng viên kê khai** | **Thời gian(2)** |
| 1 | Ngành nghề kinh doanh | * ………………………; |  |
| 2 | Tính chất hàng hóa, dịch vụ kinh doanh | * ………………………; * ………………………; |  |
| 3 | Địa bàn triển khai kinh doanh | * ………………………; |  |
| 4 | Quy mô doanh thu/năm (tỷ đồng) | - ………………………; |  |
| 5 | Kinh nghiệm quản lý hệ thống phân phối (sản phẩm, số lượng cửa hàng, nhân viên…) | * ………………………; * ………………………; |  |
| 6 | Kinh nghiệm phát triển hệ thống phân phối (loại sản phẩm kinh doanh, số lượng điểm, thời gian, địa điểm) | * ………………………; * ………………………; |  |
| 7 | Quan hệ với chính quyền địa phương tại địa bàn đăng ký | - ………………………; |  |

**2. Kinh nghiệm quản lý**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Đơn vị** | **Chức vụ** | **Lĩnh vực quản lý** | **Thời gian(2)** |
| 1 |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập(3)**  *(Ký ghi rõ họ tên và đóng dấu)* | **Ứng viên Đại lý**  *(Đại diện pháp luật của Ứng viên Đại lý)*  *(Ký ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**Ghi chú:**

*(1) Ứng viên Đại lý kê khai năng lực, kinh nghiệm của các chức danh điều hành trực tiếp hoạt động kinh doanh của Đại lý Xổ số tự chọn (Đại diện theo pháp luật, Giám đốc điều hành/Phụ trách kinh doanh). Ứng viên Đại lý gửi kèm các tài liệu chứng minh nội dung đã kê khai.*

*(2) Thống kê theo thứ tự thời gian tăng dần.*

*(3) Người lập là Giám đốc Điều hành và/hoặc Phụ trách Kinh doanh*

## Mẫu số 02 (B2)

### BẢNG KÊ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM

(Áp dụng cho Người Phụ trách Kế toán Đại lý

Xổ số tự chọn qua Thiết bị đầu cuối(1))

Họ và tên:...............................................................................................................

Chức vụ: .................................................................................................................

Nơi cư trú: .............................................................................................................

Số điện thoại:...................................Email:............................................................

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Ứng viên kê khai** | **Thời gian(2)** |
| 1 | Ngành nghề kinh doanh | * ………………………; * ………………………; |  |
| 2 | Tính chất hàng hóa, dịch vụ kinh doanh | * ………………………; * ………………………; |  |
| 3 | Địa bàn triển khai kinh doanh | * ………………………; * ………………………; |  |
| 4 | Quy mô doanh thu/năm (tỷ đồng) | - ………………………; |  |
| 5 | Kinh nghiệm công tác tài chính – kế toán (vị trí công việc, chuyên môn, số lượng nhân viên, …) | * ………………………; * ………………………; |  |
| 6 | Quan hệ với chính quyền địa phương tại địa bàn đăng ký | - ………………………; |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập(3)**  *(Ký ghi rõ họ tên và đóng dấu)* | **Ứng viên Đại lý**  *(Đại diện pháp luật của Ứng viên Đại lý)*  *(Ký ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**Ghi chú:**

*(1) Ứng viên Đại lý kê khai năng lực, kinh nghiệm của các chức danh Phụ trách kế toán. Ứng viên Đại lý gửi kèm các tài liệu chứng minh nội dung đã kê khai.*

*(2) Thống kê theo thứ tự thời gian tăng dần.*

*(3) Người lập là Người Phụ trách Kế toán.*

## Mẫu số 03 DANH SÁCH ĐỀ XUẤT ĐIỂM BÁN HÀNG

Text

Description automatically generated with medium confidence

# PHỤ LỤC SỐ 01

# DANH SÁCH THỊ TRƯỜNG LỰA CHỌN ĐẠI LÝ

# 

| **TT** | **Chi nhánh** | **Thị trường** |
| --- | --- | --- |
| I | Bà Rịa Vũng Tàu  (3 thị trường) | Bình Phước |
| Bình Thuận |
| Long An |
| II | Cần Thơ (6 thị trường) | Bạc Liêu |
| Cà Mau |
| Sóc Trăng |
| Trà Vinh |
| Vĩnh Long |
| Hậu Giang |
| III | Hải Phòng (18 thị trường) | Bắc Giang |
| Bắc Kạn |
| Bắc Ninh |
| Cao Bằng |
| Điện Biên |
| Hà Giang |
| Hải Dương |
| Hòa Bình |
| Hưng Yên |
| Lào Cai |
| Lai Châu |
| Lạng Sơn |
| Phú Thọ |
| Sơn La |
| Thái Nguyên |
| Tuyên Quang |
|  | Vĩnh Phúc |
|  | Yên Bái |
| IV | Khánh Hòa (7 thị trường) | Bình Định |
| Gia Lai |
| KonTum |
| Phú Yên |
| Quảng Nam |
| Ninh Thuận |
| Đăk Nông |
| V | Nghệ An (9 thị trường) | Hà Nam |
| Hà Tĩnh |
| Nam Định |
| Ninh Bình |
| Nghệ An |
| Thái Bình |
| Quảng Trị |
| Quảng Bình |
| Thừa Thiên Huế |
| **TỔNG** | | **43** |

# PHỤ LỤC SỐ 02

## TIÊU CHÍ PHÁP LÝ, TÀI CHÍNH ĐẠI LÝ VÀ TIÊU CHÍ THƯƠNG MẠI, KỸ THUẬT ĐIỂM BÁN HÀNG CỦA ĐẠI LÝ XỔ SỐ TỰ CHỌN QUA THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI

1. **Tiêu chí pháp lý, tài chính lựa chọn Đại lý**

(Các tiêu chí này do Vietlott chủ trì xây dựng và chịu trách nhiệm đánh giá để lựa chọn Đại lý căn cứ Thông tư số 36/2019/TT-BTC ngày 17/06/2019 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn hoạt động kinh doanh xổ số tự chọn điện toán)

1. **Tiêu chí chung**
   1. Đối với cá nhân:
2. Là công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên, thường trú tại Việt Nam;
3. Không phải là người đang có tiền án, tiền sự; không phải là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;
4. Không phải là người lao động, người quản lý doanh nghiệp làm việc tại: Vietlott, Berjaya và các tổ chức được Berjaya ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ dự án theo quy định tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Vietlott;
5. Không phải là vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các cá nhân giữ chức danh từ cấp phó các phòng, ban nghiệp vụ trở lên của Công ty xổ số điện toán và các tổ chức tham gia vận hành hệ thống xổ số tự chọn số điện toán.
   1. Đối với tổ chức:
6. Là tổ chức kinh tế được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam;
7. Không phải là tổ chức kinh tế bị cơ quan có thẩm quyền kết luận về tình hình tài chính không lành mạnh, đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ đọng không có khả năng chi trả; đang trong quá trình giải thể;
8. Không phải là tổ chức kinh tế có vốn góp của vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các cá nhân giữ chức danh từ cấp phó các phòng, ban nghiệp vụ trở lên của Công ty xổ số điện toán và các tổ chức tham gia vận hành hệ thống xổ số tự chọn số điện toán.
9. **Tiêu chí đặc thù**
   1. Hoạt động tối thiểu 1 năm tính đến thời điểm nộp HSUT (đối với thị trường Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh).
   2. Các cổ đông đã hoàn thành nghĩa vụ góp vốn theo quy định của pháp luật.
   3. Các tổ chức/cá nhân đang ký Hợp đồng với Đại lý hiện hữu thì sẽ không được tham gia ứng tuyển Đại lý mới tại thị trường đang hợp tác với Đại lý hiện hữu.
   4. Vốn điều lệ tối thiểu: Các cổ đông, thành viên công ty đã hoàn thành nghĩa vụ góp vốn theo quy định của Pháp luật và có vốn điều lệ tối thiểu như sau:

* Cá nhân: Không quy định.
* Tổ chức:

+ Thị trường Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh: 01 (một) tỷ VNĐ.

+ Thị trường còn lại: 400.000.000 VNĐ.

* 1. Năng lực tài chính tối thiểu để triển khai hoạt động Đại lý Xổ số tự chọn qua Thiết bị đầu cuối:
* Cá nhân:

+ Thị trường Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh: Tối thiểu = 125 triệu VNĐ.

+ Thị trường còn lại: Tối thiểu = 75 triệu VNĐ.

* Tổ chức:

+ Thị trường Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh: 01 (một) tỷ VNĐ.

+ Thị trường còn lại: 400.000.000 VNĐ.

* 1. Một Ứng viên chỉ được đăng ký tối đa một (01) Đại lý trên địa bàn (01) tỉnh/thành phố. Mỗi ứng viên là cá nhân/hộ kinh doanh cá thể chỉ được làm 01 Đại lý tại địa bàn tỉnh/thành phố có địa chỉ trên Giấy chứng nhận hộ kinh doanh cá thể.
  2. Có phương án tài chính, đầu tư vốn để triển khai Hợp đồng Đại lý Xổ số tự chọn (không áp dụng đối với Ứng viên là cá nhân/Hộ kinh doanh cá thể).
  3. Cam kết tuân thủ đầy đủ Hợp đồng Đại lý và các quy định do Vietlott ban hành khi trở thành Đại lý Xổ số tự chọn qua Thiết bị đầu cuối.

1. **Tiêu chí thương mại, kỹ thuật Điểm bán hàng của Đại lý Xổ số qua Thiết bị đầu cuối để lựa chọn Đại lý Xổ số**
   * + 1. **Kiểm tra hồ sơ và tính phù hợp đối với Đại lý xổ số**
   1. Ứng viên Đại lý có kinh nghiệm quản lý, phát triển hệ thống cửa hàng/Điểm bán hàng; ưu tiên Ứng viên Đại lý có kinh nghiệm kinh doanh xổ số;
   2. Ưu tiên Ứng viên Đại lý có Giám đốc hoặc người đại diện hợp pháp triển khai Hợp Đồng có kinh nghiệm kinh doanh xổ số;
   3. Ưu tiên Ứng viên Đại lý có người phụ trách kinh doanh xổ số điện toán có kinh nghiệm kinh doanh xổ số, có trình độ học vấn cao;
   4. Ứng viên Đại lý xổ số điện toán phải có phương án kinh doanh theo quy định hồ sơ yêu cầu cho tối thiểu 01 năm kinh doanh kể từ thời điểm ký hợp đồng Đại lý (Áp dụng cho ứng viên là tổ chức).
      * 1. **Tiêu chí thương mại & kỹ thuật áp dụng đánh giá hồ sơ ứng tuyển**
2. Đánh giá số lượng ĐBH đề xuất và số lượng ĐBH đạt tiêu chí thương mại – kỹ thuật cho địa bàn đăng ký so với yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu.
3. Đánh giá số lượng Điểm bán hàng độc lập, Trung tâm Xổ số tự chọn và tỷ trọng Điểm bán hàng độc lập, TTXS theo quy định của Hồ sơ yêu cầu.
4. Đánh giá tỷ lệ trực tiếp đầu tư Điểm bán hàng của Đại lý.
5. Đánh giá tỷ lệ Điểm bán hàng tại các huyện trên tổng số lượng Điểm bán hàng theo quy định của Hồ sơ yêu cầu.
6. Đánh giá bộ máy nhân sự để triển khai kinh doanh theo quy định của Hồ sơ yêu cầu.
   * + 1. **Tiêu chí thương mại & kỹ thuật áp dụng đánh giá** **thực tế Điểm Bán Hàng và đề xuất Danh sách Điểm Bán Hàng ký Hợp đồng Đại lý Xổ số**
   1. **Tiêu chí thương mại**
      1. Khoảng cách giữa các Điểm bán hàng (tính theo lưu thông đường bộ):

* Khoảng cách tối thiểu từ Điểm bán hàng đến cổng chính của trường học cấp 1, 2, 3, nhà tang lễ, khu dịch vụ tang lễ là 50m.
* Khoảng cách giữa các ĐBH (trừ điểm bán kèm café với điểm bán kèm café; điểm bán kèm XSKT với điểm bán kèm XSKT) từ 200m trở lên.
* Khoảng cách giữa các ĐBH thuộc Đại lý chuỗi từ 50m trở lên (Không áp dụng khoảng cách này đối với trường hợp ĐBH thuộc Đại lý chuỗi so với các ĐBH khác).
* Khoảng cách giữa các ĐBH bán kèm café với ĐBH bán kèm café (với điều kiện ĐBH đề xuất là Quán cafe có diện tích tối thiểu 20m2 ko tính diện tích vỉa hè: từ 50m trở lên (Không áp dụng khoảng cách này đối với trường hợp ĐBH bán kèm café so với các ĐBH khác).
* Khoảng cách giữa các ĐBH bán kèm Xổ số kiến thiết với ĐBH bán kèm Xổ số kiến thiết: Không khoảng cách (Không áp dụng khoảng cách này đối với trường hợp ĐBH bán kèm Xổ số kiến thiết so với các ĐBH khác).
* Đối với ĐBH hiện hữu có doanh thu trung bình 6 tháng liên tiếp nhỏ hơn 100.000/ngày thì cho phép lên ĐBH khác mà không tính khoảng cách.
  + 1. Lịch sử Điểm bán hàng:

Không phải là ĐBH đã kinh doanh xổ số Vietlott và đã chấm dứt trong thời hạn từ 12 tháng trở xuống (ĐBH đã chấm dứt ngoài 12 tháng sẽ được đăng ký làm ĐBH tiếp).

* + 1. Vị trí Điểm bán hàng:

Không nằm trong ngõ/hẻm nhỏ (dưới 2m bề ngang), ngõ/hẻm cụt... gây khó khăn trong việc nhận diện Điểm bán hàng (trừ trường hợp đặc biệt).

* + 1. Bổ sung Thiết bị đầu cuối:
* Về việc bổ sung TBĐC cho ĐBH hiện hữu:

+ TBĐC thứ 2: Tổng Doanh thu bình quân 3 tháng gần nhất lớn hơn 6.000.000đ/ngày hoặc Doanh thu Keno lớn hơn 2.000.000đ/ngày và chủ ĐBH có nhu cầu.

+ TBĐC thứ 3: Tổng Doanh thu bình quân 3 tháng gần nhất lớn hơn 10.000.000đ/ngày hoặc Doanh thu Keno lớn hơn 4.000.000đ/ngày và chủ ĐBH có nhu cầu.

* + 1. Ưu tiên:

1. Khu vực đông dân cư (khu vực chợ, chung cư, bến tàu, bến xe, các cửa hàng xổ số truyền thống...).
2. Khu vực giao thông thuận tiện (gần ngã ba, ngã tư, đường hai chiều, nằm bên phải trên đường một chiều, đường liên xã, liên huyện, liên tỉnh) và có chỗ dừng và/hoặc đỗ xe máy.
3. Khu vực tập trung nhiều công nhân, lao động tự do, dân buôn bán, nhân viên văn phòng, khu vực dân sinh.
4. Khu vực đảm bảo an ninh, an toàn cho Điểm bán hàng.
5. Điểm bán hàng có mặt bằng thuộc sở hữu của chủ Điểm bán hàng hoặc được chủ Điểm bán hàng ký hợp đồng hợp tác kinh doanh tối thiểu 12 tháng.
6. Ưu tiên chủ Điểm bán hàng (người trực tiếp kinh doanh tại Điểm bán hàng) cần có hiểu biết cơ bản về kinh doanh Xổ số điện toán: có kinh nghiệm bán lẻ, nhiệt tình kinh doanh.
   1. **Tiêu chí kỹ thuật**
      1. Hạ tầng đường truyền: Khu vực phải có sóng viễn thông 3G/4G, có hạ tầng đường truyền cáp quang.
      2. Không gian Điểm bán hàng:
7. Đối với Trung tâm xổ số/Điểm bán hàng độc lập:

* Không gian treo biển hiệu: 1,0m Chiều cao x Chiều rộng mặt tiền Điểm bán hàng.
* Diện tích tường để treo Giấy chứng nhận Điểm bán hàng, vật phẩm marketing: 10 m2.
* Có không gian treo biển vẫy tại mặt trước Điểm bán hàng.

(b) Đối với Điểm bán hàng bán kèm:

* Diện tích tường để treo Giấy chứng nhận Điểm bán hàng, vật phẩm marketing: 1,5m x 1m.
* Có không gian treo biển vẫy tại mặt trước Điểm bán hàng.

3.2.3. Diện tích bán hàng

(a) Trung tâm xổ số: Diện tích từ 18m2, chiều rộng mặt tiền từ 3,5m.

(b) Điểm bán hàng độc lập: Diện tích từ 12m2, chiều rộng mặt tiền từ 2,5m.

(c) Điểm bán hàng bán kèm: Diện tích từ 1m2.

**\* Ghi chú:** Kết luận điểm bán hàng là Đạt khi tất cả các tiêu chí được đánh giá Đạt

# PHỤ LỤC SỐ 03

# A. MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ CHÍNH SÁCH KINH DOANH [[4]](#footnote-5)

**Sản phẩm XSTC**

* 1. Mega 6/45;
  2. Power 6/55;
  3. Max 3D;
  4. Max 3D Pro;
  5. Keno;
  6. Và các sản phẩm Xổ số tự chọn khác do Vietlott ban hành và thông báo đến Đại lý vào từng thời điểm.

**Phạm vi**

1. Đại lý tổ chức mạng lưới phân phối sản phẩm XSTC thông qua ĐBH trong địa bàn tỉnh/thành phố (Địa Bàn Kinh Doanh) theo các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định do Vietlott ban hành theo từng thời kỳ;
2. Đại lý tổ chức bán vé XSTC theo các quy định tại Hợp Đồng Đại lý.
3. Vé XSTC được Đại lý bán trực tiếp cho đối tượng tham gia dự thưởng thông qua TBĐC đặt tại các ĐBH của Đại lý.
4. Việc ký kết hợp đồng giữa Vietlott và các tổ chức/cá nhân khác để triển khai kinh doanh XSTC trên Địa Bàn Kinh Doanh không bị hạn chế.
5. Đại lý phải cung cấp các tài liệu chứng minh quyền sở hữu, sử dụng Điểm bán hàng trước khi ký Hợp Đồng Đại lý, trường hợp Đại lý không cung cấp được các tài liệu nêu trên, Vietlott có quyền từ chối ký Hợp Đồng Đại lý.

**Hạn mức bán hàng**

* 1. Đại lý mua HMBH theo từng ĐBH trước khi bán sản phẩm vé XSTC:
* Số tiền mua HMBH lần đầu cho một (01) Điểm Bán Hàng được xác định như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số tiền mua HMBH lần đầu cho một (01) ĐBH** | **≥** | **Số tiền mua HMBH lần đầu tối thiểu/TBĐC** | **X** | **Số lượng TBĐC Đại lý được cung cấp, lắp đặt tại ĐBH** |

* Số tiền mua HMBH bổ sung cho một (01) Điểm Bán Hàng được xác định như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số tiền mua HMBH cho một (01) ĐBH** | **≥** | **Số tiền mua HMBH bổ sung tối thiểu/TBĐC** | **X** | **Số lượng TBĐC Đại lý được cung cấp, lắp đặt tại ĐBH** |

Số tiền mua hạn mức bán hàng lần đầu và bổ sung tối thiểu cho một (01) Thiết bị đầu cuối được quy định tại Hợp đồng Đại lý hoặc chính sách kinh doanh của Vietlott được công bố cho Đại lý từng thời kỳ.

* 1. Mỗi ĐBH có một mã số nộp tiền mua HMBH do Vietlott cung cấp

**Doanh thu bán vé xổ số tự chọn**

* + 1. Đại lý có trách nhiệm và bằng mọi nỗ lực của mình thực hiện hoàn thành DTBV cam kết quy định tại Hợp đồng Đại lý và/hoặc do Vietlott ký ban hành và công bố theo từng thời kỳ dựa trên kế hoạch kinh doanh của Vietlott và Berjaya.
    2. Dự kiến Doanh thu cam kết giao trong 03 tháng đầu kinh doanh là 3.000.000VNĐ/TBĐC/ngày.

**Hoa hồng Đại lý**

* 1. Hoa hồng Đại lý = tỷ lệ phần trăm (%) hoa hồng x (nhân với) DTBV thực tế của Đại lý, trong đó:
  2. Tỷ lệ phần trăm hoa hồng bằng 08% (đã bao gồm thuế GTGT).
  3. Tùy thuộc tình hình thị trường, Vietlott có quyền: (i) điều chỉnh tỷ lệ phần trăm (%) hoa hồng, (ii) thay đổi phương pháp xác định Hoa hồng Đại lý.

**Ủy quyền trả thưởng**

* 1. Vietlott ủy quyền cho Đại lý trả thưởng tất cả các vé XSTC trúng thưởng có tổng giá trị các giải thưởng có giá trị không vượt quá (10) tỷ đồng.
  2. Phí ủy quyền trả thưởng:
     1. Tỷ lệ phần trăm (%) phí ủy quyền trả thưởng = 0,2% tổng giá trị lĩnh thưởng của vé XSTC trúng thưởng mà Đại lý đã trả thưởng theo ủy quyền *(sau khi đã khấu trừ thuế thu nhập cá nhân của người trúng thưởng)*.
     2. Vietlott có quyền điều chỉnh tỷ lệ phần trăm (%) phí ủy quyền trả thưởng.

1. **Bảo đảm thực hiện hợp đồng**
   1. Giá trị bảo đảm thực hiện Hợp Đồng:
      1. Giá trị bảo đảm thực hiện Hợp Đồng được xác định bằng tổng giá trị bảo đảm thực hiện Hợp Đồng của các Điểm bán hàng.
      2. Giá trị bảo đảm thực hiện Hợp Đồng của Điểm bán hàng được xác định như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giá trị bảo đảm thực hiện Hợp Đồng của ĐBH** | **=** | **25.000.000 đồng** | **+** | **Tổng giá trị bảo đảm thực hiện Hợp đồng của TBĐC bổ sung** |

Trong đó:

(i) 25.000.000 VNĐ *(bằng chữ: Hai mươi lăm triệu đồng)*:là giá trị bảo đảm thực hiện Hợp Đồng áp dụng cho TBĐC đầu tiên cung cấp cho ĐBH. Từ ngày 01/4/2022 đến hết ngày 30/6/2023, giá trị bảo đảm thực hiện Hợp đồng 15.000.000 VNĐ/TBĐC, sau thời hạn trên, Vietlott/Berjaya sẽ xem xét yêu cầu Đại lý bổ sung giá trị bảo đảm thực hiện Hợp đồng tối đa 10.000.000 VNĐ/TBĐC.

(ii) Đối với TBĐC thứ 2, lắp cho một ĐBH: 5.000.000 VNĐ/TBĐC thứ 2 lắp đặt tại ĐBH. Từ ngày 01/4/2022 đến hết ngày 30/6/2023, Đại lý chưa phải thực hiện đảm bảo thực hiện Hợp đồng, sau thời hạn trên, Vietlott/Berjaya sẽ xem xét yêu cầu Đại lý bổ sung giá trị bảo đảm thực hiện Hợp đồng tối đa 5.000.000 VNĐ/TBĐC.

* + 1. Trường hợp được lắp đặt bổ sung TBĐC, Đại lý phải nộp bổ sung giá trị bảo đảm thực hiện Hợp đồng, đảm bảo nộp đủ giá trị quy định tại Điểm (b) Khoản 7.1 Điều này.
  1. Hình thức bảo đảm: bằng tiền mặt và/hoặc một bảo lãnh tại ngân hàng thương mại được cấp phép và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam (bảo lãnh phải là không hủy ngang và thanh toán vô điều kiện khi Vietlott yêu cầu); Đối với Đại lý là cá nhân, ngoài hai hình thức trên, có thể thực hiện bảo đàm thực hiện Hợp đồng bằng sổ tiết kiệm (có thời hạn bằng thời hạn Hợp đồng Đại lý) phong tỏa và mở tại ngân hàng do Vietlott chỉ định (danh sách Ngân hàng do Vietlott công bố).
  2. Thời điểm nộp đảm bảo thực hiện hợp đồng: trong vòng 07 ngày làm việc kê từ ngày ký Hợp đồng Đại lý hoặc Phụ lục Hợp đồng Đại lý (nếu có).
  3. Thời hạn đảm bảo:
     + 1. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng Đại lý phải tương ứng với thời hạn Hợp đồng Đại lý.
       2. Trong trường hợp bảo đảm thực hiện Hợp đồng Đại lý bằng bảo lãnh của ngân hàng có thời hạn ngắn hơn so với thời hạn hiệu lực của Hợp đồng Đại lý, Đại lý phải nộp bảo đảm thực hiện Hợp đồng Đại lý tiếp theo ít nhất là một (01) ngày làm việc trước ngày hết hạn của bảo đảm hiện tại.

1. **Một số quyền và nghĩa vụ của Đại lý**
   1. Hưởng Hoa Hồng Đại lý, phí ủy quyền trả thưởng và những quyền lợi khác do hoạt động Đại lý mang lại theo quy định của Hợp Đồng Đại lý;
   2. Được đào tạo, hướng dẫn nghiệp vụ, vận hành thiết bị bán vé XSTC, cung cấp thông tin phục vụ việc bán vé XSTC;
   3. Được quyền sử dụng nhãn hiệu, tên thương mại của Vietlott để phục vụ cho hoạt động bán vé XSTC;
   4. Được tham gia các chương trình hỗ trợ bán hàng, chương trình quảng cáo, truyền thông, hội nghị khách hàng...;
   5. Được hưởng dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế TBĐC, và các trang thiết bị khác trong trường hợp bị hỏng hóc do nguyên nhân khách quan hoặc do nguyên nhân kỹ thuật.
   6. Tuân thủ các chính sách kinh doanh XSTC của Vietlott; các quy định của pháp luật trong quá trình kinh doanh XSTC;
   7. Đại lý phải: (i) bảo đảm các điều kiện để có thể lắp đặt TBĐC, đường truyền, các trang thiết bị khác tại các ĐBH; (ii) tuyển dụng đủ nhân viên bán hàng để Vietlott và Berjaya đào tạo và cấp chứng chỉ trước khi bán hàng, tổ chức tự đào tạo trong trường hợp nhân viên bán hàng nghỉ việc;
   8. Thay đổi ĐBH trong trường hợp Vietlott có yêu cầu;
   9. Chịu toàn bộ các chi phí hoạt động: nhân lực, mặt bằng, điện, nước… và chi phí đầu tư ĐBH theo quy định của Vietlott; ngoại trừ trang thiết bị, vật tư Đại lý được trang bị, cung cấp;
   10. Đối với các ĐBH thay thế, chấm dứt, Đại lý phải: (i) Chịu toàn bộ chi phí đầu tư, hoạt động đối với các ĐBH thay thế; (ii) Bồi thường cho Vietlott và Berjaya các chi phí khảo sát, cung cấp, lắp đặt các trang thiết bị tại ĐBH;
   11. Đại lý phải: (i) bồi thường toàn bộ giá trị TBĐC, và các trang thiết bị khác và vật tư do Vietlott và Berjaya trang bị theo đơn giá quy định tại Hợp Đồng Đại lý, trong trường hợp làm mất hoặc làm hỏng TBĐC và các trang thiết bị, vật tư do lỗi của Đại lý; (ii) Trả lại Vietlott và Berjaya TBĐC và các trang thiết bị khác, vật tư do Vietlott và Berjaya trang bị hoặc tiêu hủy chúng theo chỉ dẫn của Vietlott và Berjaya;
   12. Đại lý có trách nhiệm kê khai, nộp các khoản thuế, phí theo quy định của pháp luật;

Vietlott khấu trừ thuế tại nguồn đối với thuế thu nhập cá nhân đối với Đại lý là cá nhân.

* 1. Đại lý phối hợp với Vietlott và Berjaya tổ chức thực hiện các chương trình marketing và truyền thông, quảng cáo theo kế hoạch của Vietlott và Berjaya và chủ động triển khai các chương trình Marketing thuộc trách nhiệm của Đại lý

1. **Một số quyền và nghĩa vụ của Vietlott và Berjaya**
   1. Ban hành DTBV cam kết tháng và/hoặc theo quý cho từng Đại lý và/hoặc cho từng địa bàn;
   2. Phê duyệt Danh sách ĐBH của Đại lý trên cơ sở kết quả kiểm tra thực tế về tiêu chí thương mại, kỹ thuật ĐBH và đề xuất của Berjaya.
   3. Cấp “Giấy chứng nhận Điểm Bán Hàng Xổ Số Tự Chọn” cho các ĐBH của Đại lý;
   4. Kiểm tra, giám sát hoạt động của Đại lý/ĐBH;
   5. Vietlott và Berjaya có nghĩa vụ:
      * 1. Cung cấp, lắp đặt TBĐC, đường truyền, các trang thiết bị khác, vật tư bảo đảm cho Đại lý bán vé XSTC;
        2. Tổ chức, hỗ trợ, phối hợp sửa chữa và bảo dưỡng và/hoặc thay thế TBĐC, đường truyền, các trang thiết bị khác;
        3. Thanh toán Hoa Hồng Đại lý, số tiền Đại lý đã trả thưởng theo ủy quyền và phí ủy quyền trả thưởng cho Đại lý;
        4. Đào tạo, kiểm tra, cấp Giấy Chứng nhận vận hành thiết bị bán vé XSTC cho các Nhân viên bán hàng của Đại lý;
        5. Hỗ trợ, hướng dẫn Đại lý cách khắc phục các sự cố vận hành thiết bị, sự cố mạng, sự cố phần mềm, v.v…
        6. Thực hiện các chương trình quảng cáo, truyền thông; tổ chức các sự kiện hỗ trợ Đại lý bán vé XSTC; cung cấp cho Đại lý các vật phẩm quảng cáo thương hiệu, sản phẩm XSTC như: standee, áp phích, tờ rơi, quà lưu niệm, mã QR….theo chính sách kinh doanh của Vietlott từng thời kỳ.
2. **Một số hành vi nghiêm cấm**
   1. Vi phạm các chính sách kinh doanh XSTC của Vietlott công bố theo từng thời kỳ;
   2. Bán vé XSTC không đúng giá quy định tại Thể lệ tham gia dự thưởng;
   3. Bán vé XSTC tại các ĐBH chưa được cấp hoặc đã bị thu hồi Giấy chứng nhận ĐBH XSTC;
   4. Sử dụng Nhân viên bán hàng bán vé XSTC khi chưa được Vietlott cấp chứng chỉ vận hành thiết bị bán vé XSTC;
   5. Trả thưởng không đúng quy định; thu tiền khi trả thưởng theo ủy quyền;
   6. Hủy vé XSTC và nộp vé XSTC hủy không đúng quy định của Vietlott;
   7. Thông báo không chính xác, không kịp thời kết quả trúng thưởng cho đối tượng tham gia dự thưởng;
   8. Sử dụng kết quả quay số mở thưởng của Vietlott để tổ chức các chương trình dự thưởng không tuân thủ quy định của pháp luật;
   9. Tổ chức cạo sửa, tẩy xóa và/hoặc làm giả vé XSTC hoặc thực hiện các hành vi gian lận khác để lĩnh thưởng;
   10. Không thực hiện đối chiếu công nợ định kỳ theo quy định;
   11. HMBH không đủ để bán vé XSTC, không nộp tiền mua bổ sung HMBH; không tuân thủ các quy định về chính sách tài chính theo quy định của Vietlott;
   12. Trực tiếp tổ chức hoặc liên kết với các bên khác tổ chức hoạt động lô, đề, trò chơi giải trí có thưởng khác trái pháp luật;
   13. Từ chối trả thưởng cho người tham gia dự thưởng;
   14. Thực hiện hành vi vi phạm bí mật thông tin của Vietlott và/hoặc thông tin trả thưởng của khách hàng trúng thưởng;
   15. Không thông báo bằng văn bản cho Vietlott và/hoặc không được Vietlott chấp thuận trước khi thay đổi hình thức sở hữu và/hoặc địa điểm kinh doanh;
   16. Không thực hiện báo cáo các giao dịch liên quan đến phòng, chống rửa tiền theo quy định của Vietlott;
   17. Có bất kỳ hành vi nào cản trở hoặc làm giảm DTBV;
   18. Di chuyển trang thiết bị ra khỏi ĐBH khi chưa được sự chấp thuận của Vietlott;
   19. Sử dụng nhãn hiệu của Vietlott đứng chung với các nhãn hiệu sản phẩm khác;
   20. Các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật, theo quy định của Vietlott theo từng thời kỳ;
3. **Một số hình thức xử phạt vi phạm**
   1. Phạt vi phạm theo quy định tại Hợp đồng Đại lý;
   2. Yêu cầu Đại lý bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Vietlott;
   3. Chấm dứt hoặc tạm dừng hoạt động của ĐBH;
   4. Tạm dừng thực hiện Hợp Đồng;
   5. Chấm dứt Hợp Đồng;
   6. Lập hồ sơ, đề nghị cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hiện hành.
4. **Thời hạn Hợp Đồng:**

Hợp Đồng sẽ được xem xét gia hạn nếu Đại lý: (i) có nhu cầu tiếp tục kinh doanh XSTC, (ii) không vi phạm các điều khoản Hợp Đồng, và (iii) đáp ứng các yêu cầu về kế hoạch kinh doanh do Vietlott ban hành.

1. **Một số quy định về điểm bán hàng**

Đại lý phải bảo đảm các điều kiện để Vietlott và Berjaya lắp đặt TBĐC, đường truyền, các trang thiết bị khác và đưa ĐBH vào hoạt động kinh doanh theo các quy định sau:

* 1. Đối với ĐBH bán kèm, tối đa, trong thời hạn ba (03) ngày kể từ ngày ký Hợp Đồng, Đại lý phải đảm bảo các điều kiện để Vietlott và Berjaya lắp đặt trang thiết bị phục vụ kinh doanh.
  2. Đối với ĐBH độc lập:
     + 1. Tối đa, trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ký Hợp Đồng, Đại lý phải đảm bảo các điều kiện để Vietlott và Berjaya lắp đặt trang thiết bị phục vụ kinh doanh;
       2. Trong thời hạn ba (03) ngày kể từ ngày Vietlott và Berjaya lắp đặt các trang thiết bị cần thiết để phục vụ kinh doanh (trừ biển hiệu, cáp quang), Đại lý phải đưa ĐBH vào hoạt động kinh doanh
  3. Các Điểm Bán Hàng trong sáu (06) tháng liên tiếp không đạt DTBV cam kết tháng của ĐBH thì ĐBH sẽ bị xem xét chấm dứt hoạt động.

**B. QUY ĐỊNH VỀ BỒI THƯỜNG CHI PHÍ KHẢO SÁT, CUNG CẤP,**

**LẮP ĐẶT TRANG THIẾT BỊ TẠI ĐIỂM BÁN HÀNG [[5]](#footnote-6)**

Trong trường hợp chấm dứt/ thay thế các ĐBH, Đại lý phải bồi thường cho Vietlott và Berjaya các chi phí khảo sát, cung cấp, lắp đặt trang thiết bị tại ĐBH theo quy định sau:

| **TT** | **Hạng mục chi phí** | **ĐVT** | **ĐBH**  **Độc Lập/ TTXSTC** | **ĐBH**  **Bán Kèm** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **A** | **Biểu phí bồi thường cho Vietlott** | | | |
| **1** | **Chi phí bồi thường cố định** | ***VNĐ/ĐBH*** | **1.000.000** | **1.000.000** |
| **2** | **Chi phí bồi thường trang thiết bị, vật tư do Vietlott cung cấp** |  |  |  |
| *2.1* | *Biển hiệu* | *VNĐ/m2* | *790.000* |  |
| *2.2* | *Biển vẫy* | *VNĐ/Chiếc* | *3.585.000* | *3.585.000* |
| *2.3* | *Quầy bán hàng di động* | *VNĐ/Chiếc* |  | *8.815.000* |
| *2.4* | *Khung giấy chứng nhận ĐBH* | *VNĐ/Chiếc* | *400.000* | *400.000* |
| *2.5* | *Khay để thẻ chọn số* | *VNĐ/Chiếc* | *595.000* | *595.000* |
| *2.6* | *Áo cho nhân viên bán hàng* | *VNĐ/Chiếc* | *75.000* | *75.000* |
| *2.7* | *Sổ tay Điểm bán hàng* | *VNĐ/Quyển* | *25.000* | *25.000* |
| **3** | **Chi phí vận chuyển trang thiết bị** | **VNĐ/Bộ** | **1.500.000** | **1.500.000** |
| **4** | **Chi phí tháo dỡ trang thiết bị** | **VNĐ/Bộ** | **700.000** | **700.000** |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hạng mục chi phí** | **ĐVT** | **Nhóm chi phí** | **Chi phí** |
| **B** | **Chi phí bồi thường cho Berjaya** | | | |
| I | Thay thế/chấm dứt sau khi phê duyệt danh sách ĐBH nhưng chưa bàn giao, lắp đặt TTB | VNĐ/ĐBH | Nhóm 1 | 500.000 |
| II | Thay thế/chấm dứt sau khi phê duyệt danh sách ĐBH và đã bàn giao TTB | VNĐ/ĐBH | Nhóm 1 | 1.900.000 |
| III | Chấm dứt ĐBH sau khi đã được Vietlott phê duyệt |  |  |  |
| 1 | Chi phí bồi thường cho việc lắp - cài đặt TTB | *VNĐ/ĐBH* | Nhóm 2 | 4.950.000 |
| *1.1* | *- Chuyển toàn bộ các trang thiết bị (bao gồm router 881-4G) của điểm bán hàng cũ về kho lưu trữ (bao gồm cả việc vệ sinh các thiết bị đó).*  *- Cấu hình và cài đặt 2 đường truyền bảo mật Fiber/ADSL và 3G*  *- Cung cấp và lắp đặt dây mạng*  *- Lắp đặt Thiết bị đầu cuối*  *- Lắp checkwin lên quầy* | *VNĐ/ĐBH* |  | *3.700.000* |
| *1.2* | *Lắp đặt và phạt hủy đường truyền FTTH sớm (\*\*)* | *VNĐ/ĐBH* |  | *1.250.000* |
| 2 | Chi phí thu hồi, tháo dỡ di dời biển LED |  | Nhóm 2 |  |
| *2.1* | *Tại Tp.HCM & Hà Nội* | *VNĐ/Chiếc* |  | *1.800.000* |
| *2.2* | *Tại các tỉnh khác trên toàn quốc* | *VNĐ/Chiếc* |  | *2.500.000* |
| IV | Thay thế ĐBH sau khi đã được Vietlott phê duyệt và đã bàn giao, lắp đặt trang thiết bị |  |  |  |
| 1 | Chi phí bồi thường cho việc lắp - cài đặt TTB | *VNĐ/ĐBH* | Nhóm 2 | 3.700.000 |
| *1.1* | *- Chuyển toàn bộ các trang thiết bị (bao gồm router 881-4G) của điểm bán hàng cũ sang điểm bán hàng mới của cùng một tỉnh (bao gồm cả việc vệ sinh các thiết bị đó).*  *- Cấu hình và cài đặt 2 đường truyền bảo mật Fiber/ADSL và 3G*  *- Cung cấp và lắp đặt dây mạng*  *- Lắp đặt Thiết bị đầu cuối*  *- Lắp checkwin lên quầy* | *VNĐ/ĐBH* |  | *2.450.000* |
| *1.2* | *Lắp đặt và phạt hủy đường truyền FTTH sớm (\*\*)* | *VNĐ/ĐBH* |  | *1.250.000* |
| 2 | Lưu kho > 30 ngày (\*) | VNĐ/Bộ/  Tháng | Nhóm 2 | 400.000 |
| 3 | Chi phí thu hồi, tháo dỡ di dời để tái sử dụng biển LED |  | Nhóm 2 |  |
| *3.1* | *Tại Tp.HCM & Hà Nội* | *VNĐ/Chiếc* | *1.800.000* | *1.800.000* |
| *3.2* | *Tại các tỉnh khác trên toàn quốc* | *VNĐ/Chiếc* | *2.500.000* | *2.500.000* |

*Ghi chú:*

***-*** *Nhóm 1: Không miễn trừ trong mọi trường hợp thay thế/chấm dứt ĐBH.*

*- Nhóm 2: Được miễn trừ khi Berjaya không phát sinh chi phí liên quan đến việc thay thế/chấm dứt ĐBH.*

*- Các trang thiết bị công nghệ và biển LED, ĐBH không được tự ý di dời.*

*- (\*) Nếu lưu kho dưới 30 ngày sẽ không phát sinh chi phí lưu kho này*

*- (\*\*) Các ĐBH hoạt động hơn 12 tháng (tính từ ngày đầu tiên phát sinh doanh thu) không bồi thường chi phí này.*

**C. DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ, VẬT TƯ CUNG CẤP, LẮP ĐẶT TẠI CÁC ĐIỂM BÁN HÀNG**

**I. Danh mục Trang thiết bị, vật tư Đại lý được Vietlott và Berjaya cung cấp, lắp đặt tại các Điểm bán hàng:**

| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** |
| --- | --- | --- |
| **I** | **Trang thiết bị** |  |
|  | Thiết bị đầu cuối | Bộ |
|  | Màn hình hiển thị phục vụ khách hàng | Chiếc |
|  | Thiết bị kiểm tra vé trúng thưởng (Checkwin) | Chiếc |
|  | Thiết bị định tuyến (Cisco) | Chiếc |
|  | Nguồn dự phòng (UPS) | Chiếc |
|  | Màn hình LED 42” (Cho ĐBH được triển khai sản phẩm quay số nhanh) | Chiếc |
|  | Khay để thẻ chọn số | Chiếc |
|  | Biển hiệu | m2 |
|  | Biển vẫy | Chiếc |
|  | Quầy bán hàng di động | Chiếc |
|  | Áo cho nhân viên bán hàng | Chiếc |
|  | Khung giấy chứng nhận ĐBH | Chiếc |
|  | Sổ Tay Điểm Bán hàng | Quyển |
| **II** | **Vật tư** |  |
|  | Giấy in vé | Cuộn |
|  | Thẻ chọn số dự thưởng | Tờ |
|  | Vật phẩm quảng cáo khác | Tờ, chiếc |

**II. Danh mục trang thiết bị, vật tư Đại lý chủ động cung cấp, lắp đặt tại các Điểm bán hàng**

| **STT** | **Trang thiết bị** | **Loại hình Điểm bán hàng được trang bị** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Trung tâm**  **Xổ số tự chọn** | **ĐBH**  **độc lập** | **ĐBH**  **bán kèm** |
| 1 | Quầy bán hàng | 01 bộ | 01 bộ |  |
| 2 | Bộ bàn ghế phục vụ khách hàng tham gia dự thưởng | 01 bộ |  |  |
| 3 | Bàn ghi vé số gắn tường | 02 bộ (tối thiểu) | 02 bộ (tối thiểu) |  |
| 4 | Kệ đựng tờ rơi | 02 bộ (tối thiểu) | 02 bộ (tối thiểu) |  |
| 5 | Bảng ghi kết quả bằng tay (\*) | 02 chiếc  (tối thiểu) | 02 chiếc  (tối thiểu) |  |
| 6 | Backdrop | 01 chiếc | 01 chiếc |  |
| 7 | Bảng khuyến cáo người chơi | 01 chiếc | 01 chiếc | 01 chiếc |

(\*) Sau một thời gian kinh doanh nếu ĐBH có doanh thu tốt, Vietlott xem xét cung cấp hỗ trợ

# PHỤ LỤC SỐ 04

## QUY TRÌNH LỰA CHỌN ĐẠI LÝ XỔ SỐ TỰ CHỌN QUA THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI

| **BƯỚC** | **NỘI DUNG** | **NỘI DUNG THỰC HIỆN** | **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN** | | **GHI CHÚ** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **VIETLOTT** | **BERJAYA** |
| 1 | Xây dựng và ký ban hành bộ tiêu chí lựa chọn Đại lý Xổ Số và Điểm Bán Hàng qua Thiết bị đầu cuối | Xây dựng tiêu chí pháp lý, tài chính lựa chọn Đại lý Xổ Số qua Thiết bị đầu cuối | Chủ trì xây dựng và quyết định | Góp ý kiến | Các tiêu chí phải đánh giá được theo thang điểm |
| Xây dựng tiêu chí thương mại, kỹ thuật Điểm Bán Hàng của Đại lý Xổ Số qua Thiết bị đầu cuối để lựa chọn Đại lý Xổ Số | Góp ý kiến | Chủ trì xây dựng và quyết định |
| Ban hành bộ tiêu chí lựa chọn Đại lý Xổ Số và Điểm Bán Hàng qua Thiết bị đầu cuối | Ký ban hành | Giám sát thực hiện | Trên cơ sở các tiêu chí do hai bên xây dựng |
| 2 | Thông báo lựa chọn Đại lý Xổ Số và Hồ sơ yêu cầu lựa chọn Đại lý Xổ Số công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng và tiếp nhận hồ sơ ứng tuyển | Thông báo công khai Hồ sơ yêu cầu, việc lựa chọn Đại lý Xổ Số | Chủ trì thực hiện | Giám sát thực hiện |  |
| Nhận Hồ sơ ứng tuyển Đại lý Xổ Số | Trực tiếp thực hiện theo thông báo tại Hồ sơ yêu cầu | Trực tiếp thực hiện theo thông báo tại Hồ sơ yêu cầu |  |
| 3 | Đánh giá Hồ sơ ứng tuyển Đại lý Xổ Số | Đánh giá Hồ sơ ứng tuyển (trên hồ sơ và/hoặc thẩm tra thực tế) căn cứ vào các tiêu chí pháp lý, tài chính, thương mại, kỹ thuật theo thang điểm đã được Hai Bên thống nhất | Chủ động thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá | Chủ động thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá |  |
| 4 | Thông báo kết quả sơ bộ lựa chọn Đại lý Xổ Số và Kiểm tra thực tế Điểm Bán Hàng | - Thông báo kết quả sơ bộ lựa chọn Đại lý Xổ Số trên cơ sở kết quả kiểm tra, đánh giá các tiêu chí  - Tiến hành kiểm tra thực tế các Điểm Bán Hàng theo danh sách đề xuất của ứng viên Đại lý Xổ Số  - Phê duyệt các Điểm Bán Hàng đủ tiêu chuẩn  - Gửi các tài liệu sau để thưc hiện công tác kiểm tra chéo: (1) Thông báo kết quả lựa chọn Đại lý; (2) Danh sách ĐBH đề xuất ký hợp đồng Đại lý; (3) Bản sao hồ sơ ứng tuyển của Ứng viên Đại lý | Chủ động thực hiện và thông báo cho Berjaya để phối hợp | Chủ động thực hiện và thông báo cho Vietlott để phối hợp |  |
| 5 | Kiểm tra chéo | Thực hiện công tác kiểm tra chéo việc đánh giá Đại lý, Điểm Bán Hàng trước khi ký Hợp đồng Đại lý để lắp đặt thiết bị:  - Tiêu chí pháp lý: Điều kiện làm Đại lý xổ số tự chọn số điện toán quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư 36/2019/TT-BTC ngày 17/06/2019 của Bộ Tài Chính, bao gồm: (1) Điều kiện làm Đại lý; (2) Tổ chức, các nhân không được làm Đại lý.  - Tiêu chí khoảng cách giữa ĐBH và ĐBH  - Tiêu chí về lịch sử ĐBH  Bên kiểm tra chéo phản hồi các nội dung trên bằng văn bản trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ tài liệu nêu tại mục 4.(1), 4.(2). | Chủ trì thực hiện | Chủ trì thực hiện |  |
| 6 | Kiểm tra hồ sơ và ký Hợp đồng Đại lý Xổ Số | Tổng hợp, kiểm tra hồ sơ Đại lý Xổ Số, Điểm Bán Hàng | Chủ trì thực hiện | Giám sát thực hiện |  |
| Ký Hợp đồng Đại lý trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ | Chủ trì thực hiện |  |

# THÔNG TIN LIÊN LẠC

**Công ty TNHH MTV Xổ Số Điện Toán Việt Nam:**

| **TT** | **Chi nhánh** | **Địa chỉ** | **Điện thoại** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Chi nhánh Hải Phòng | Tầng 6 tòa nhà MB, số 6 lô 30A đường Lê Hồng Phong, phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng | 02253.866.688 |
| 2 | Chi nhánh Nghệ An | Tầng 3, tòa nhà Golden City, 25 Nguyễn Thị Minh Khai, p Lê Mao, tp Vinh, Nghệ An | 02383.866.816 |
| 3 | Chi nhánh Khánh Hòa | Tầng 6, tòa nhà KHPC, Số 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa | 02583.826.999 |
| 4 | Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu | Số 4 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu | 02543.819.339 |
| 5 | Chi nhánh Cần Thơ | Tầng 03, Số 14-16B Đại lộ Hòa Bình, Phường An Cư, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ | 02923.668.888 |
| 6 | Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh | Số 93-95, Hàm Nghi, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh | 02838.212.636 |

***Hoặc***

**Công ty Cổ phần Đầu tư kỹ thuật Berjaya Gia Thịnh**

Địa chỉ: Tầng 17, Toà nhà Lim 2, 62A Cách Mạng Tháng Tám, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84) 28 3550 0999.

1. Số lượng ĐBH tối thiểu đáp ứng tiêu chí TMKT ký Hợp đồng Đại lý:5 ĐBH [↑](#footnote-ref-2)
2. Các cổ đông, thành viên công ty đã hoàn thành nghĩa vụ góp vốn theo quy định của Pháp luật [↑](#footnote-ref-3)
3. Số lượng ĐBH tối thiểu đáp ứng tiêu chí TMKT ký Hợp đồng Đại lý:

   - Đối với TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội: 20 ĐBH;

   - Đối với Bình Dương, Đồng Nai, Cần Thơ, Bà Rịa-Vũng Tàu, An Giang, Đà Nẵng, Đắc Lăk, Thanh Hoá, Tây Ninh, Khánh Hòa, Hải Phòng, Quảng Ninh, Bến Tre, Kiên Giang, Tiền Giang, Quảng Ngãi, Lâm Đồng, Đồng Tháp: 08 ĐBH

   - Đối với các thị trường còn lại 06 ĐBH [↑](#footnote-ref-4)
4. *Các quy định tại Mục B [Một số quy định về chính sách kinh doanh] có tính chất hướng dẫn, tùy theo tình hình thực tế tại thời điểm ký kết Hợp đồng Đại lý và/hoặc tình hình thị trường, quy định pháp luật tại thời điểm triển khai Hợp đồng Đại lý, các nội dung này có thể được hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung.*  [↑](#footnote-ref-5)
5. Các chi phí này chỉ là dự kiến, chi phí chính thức sẽ được quy định tại Hợp đồng Đại lý và/hoặc được Vietlott công bố theo từng thời kỳ. [↑](#footnote-ref-6)